

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
**BEN TRE PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY**

Số: 02/26/BCQT-DBT  
No:02/26/BCQT-DBT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

TP.HCM, ngày 30 tháng 01 năm 2026  
HCMC, January 30<sup>th</sup>, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
***REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE***

(năm/year)

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

To:

- The State Securities Commission;
- Ho Chi Minh Stock Exchange

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
- *Name of company: BEN TRE PHARMACEUTICAL JOINT- STOCK COMPANY*
- Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long.
- *Address of headoffice: 6A3, 60 National road, Phu Tan ward, Vinh Long province*
- Điện thoại/Telephone: 028 3622 0205, fax: 028 3868 1911, Email: bepharco.vietnam@bepharco.com
- Vốn điều lệ/Charter capital: 219.672.620.000 VND
- Mã chứng khoán/Stock symbol: DBT
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị/ *Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee under the Board of Directors.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện./*The implementation of internal audit: Implemented.*

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 23/NQ-ĐHĐCĐ24                                       | 24.04.2025   | <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo hoạt động năm 2024 và phương hướng kế hoạch hoạt động năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty.<br/><i>Report on the 2024 activities and the 2025 activity plan of the Board of Directors</i></li> <li>Báo cáo của Ủy ban kiểm toán.<br/><i>Audit Committee's Report.</i></li> <li>Báo cáo đánh giá của Thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT năm 2024.<br/><i>Independent Board Member's evaluation report on the activities of the Board of Directors in 2024.</i></li> <li>Báo cáo tổng kết năm 2024, kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Tổng Giám đốc và số liệu tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.<br/><i>CEO's 2024 summary report, 2025 business plan, and audited financial figures for 2024.</i></li> <li>Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm tài chính 2024.<br/><i>Proposal for approval of the audited financial statements for the fiscal year 2024.</i></li> <li>Tờ trình về việc thông qua kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025.<br/><i>Proposal for approval of 2024 business results and the 2025 business plan.</i></li> <li>Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025.<br/><i>Proposal on profit distribution, dividend payment for 2024, and the profit distribution and dividend payment plan for 2025.</i></li> <li>Tờ trình thông qua Quỹ lương năm 2024 và kế hoạch trích Quỹ lương năm 2025.<br/><i>Proposal for approval of the 2024 salary fund and the 2025 salary fund allocation plan.</i></li> <li>Tờ trình về mức chi thù lao HĐQT năm 2024 và kế hoạch chi năm 2025.<br/><i>Proposal on the remuneration of the Board of Directors for 2024 and the remuneration plan for 2025</i></li> <li>Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025.<br/><i>Proposal for the selection of the audit firm for the financial year 2025.</i></li> <li>Tờ trình về việc ủy quyền HĐQT quyết định việc tăng hay giảm tỷ lệ sở hữu tại một số Công ty và các giao dịch từ 35% tổng giá trị tài sản.<br/><i>Proposal for authorization of the Board of Directors to decide on increasing or decreasing the ownership ratio in certain companies and transactions amounting to 35% or more of total assets.</i></li> <li>Tờ trình thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2024.<br/><i>Proposal for approval of the plan to issue shares for dividend payment for 2024.</i></li> <li>Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư.</li> </ol> |

|   |                    |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|---|--------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                    |            | <p><i>Proposal for approval of the private placement of shares to investors.</i></p> <p>14. Tờ trình về việc tiếp tục triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023.</p> <p><i>Proposal for the continued implementation of the additional public offering of shares to existing shareholders as approved at the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.</i></p> <p>15. Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.</p> <p><i>Proposal for approval of the share issuance plan under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP).</i></p> <p>16. Tờ trình về việc thông qua thành viên HĐQT nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết không phải chào mua công khai.</p> <p><i>Proposal for approval of Board Members receiving voting shares transfer without a public tender offer.</i></p> <p>17. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</p> <p><i>Proposal for amendments and supplements to the Company's Charter.</i></p> <p>18. Tờ trình về việc thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp tại Campuchia.</p> <p><i>Proposal for approval of the establishment of a Representative Office or capital contribution for business establishment in Cambodia.</i></p> <p>19. Tờ trình về việc thay đổi thông tin pháp lý của Công ty và các đơn vị phụ thuộc do các hoạt động điều chỉnh cơ cấu, tổ chức của cơ quan nhà nước Việt Nam.</p> <p><i>Proposal for changes in the Company's legal information and its subsidiaries due to structural adjustments by Vietnamese regulatory authorities.</i></p> |
| 2 | 59/25/NQ-ĐHĐCĐ-DBT | 13.10.2025 | <p>Thông qua Tờ trình số 01/TTr-ĐHĐCĐ-DBT ngày 25/09/2025 sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre</p> <p><i>Approval of Submission No. 01/TTr-ĐHĐCĐ-DBT dated 25/09/2025 on the amendment and supplementation of the Charter of Ben Tre Pharmaceutical Joint Stock Company.</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/Board of Directors (year report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) /Information about the members of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/Board of Directors' members        | Chức vụ/Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành))Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập<br>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                                      |
|------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                                    |                                                                                                                                                                     | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                                           | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1          | Ông Nguyễn Khắc Hanh<br>Mr. Nguyen Khac Hanh       | Chủ tịch HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty/<br>Chairman of BOD cum Deputy General Director                                                                     | 31/03/2022                                                                                                                     |                                      |
| 2          | Ông Phạm Thứ Triệu<br>Mr. Pham Thu Trieu           | Thành viên HĐQT<br>kiêm Tổng Giám đốc Công ty/<br>Member of BOD cum General Director                                                                                | 05/12/2014                                                                                                                     |                                      |
| 3          | Ông Hoàng Xuân An<br>Mr. Hoang Xuan An             | Thành viên HĐQT<br>kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty/<br>Member of BOD cum Deputy General Director                                                                     | 31/03/2022                                                                                                                     |                                      |
| 4          | Ông Trần Nguyễn Gia Bảo<br>Mr. Tran Nguyen Gia Bao | Thành viên HĐQT độc lập/<br>Independent member of BOD                                                                                                               | 23/04/2021                                                                                                                     |                                      |
| 5          | Ông Nguyễn Thanh Tùng<br>Mr. Nguyen Thanh Tung     | Thành viên HĐQT độc lập/<br>Independent member of BOD                                                                                                               | 09/05/2023                                                                                                                     |                                      |

**2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the Board of Directors:**

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Director' member      | Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate | Lý do không tham dự họp/Reasons for absence |
|------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Khắc Hanh<br>Mr. Nguyen Khac Hanh       | 30/30                                                                       | 100%                               |                                             |
| 2          | Ông Phạm Thứ Triệu<br>Mr. Pham Thu Trieu           | 30/30                                                                       | 100%                               |                                             |
| 3          | Ông Hoàng Xuân An<br>Mr. Hoang Xuan An             | 30/30                                                                       | 100%                               |                                             |
| 4          | Ông Trần Nguyễn Gia Bảo<br>Mr. Tran Nguyen Gia Bao | 30/30                                                                       | 100%                               |                                             |
| 5          | Ông Nguyễn Thanh Tùng<br>Mr. Nguyen Thanh Tung     | 30/30                                                                       | 100%                               |                                             |

3. **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:**
- Hội đồng quản trị tham gia chỉ đạo, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc tìm kiếm đối tác kinh doanh, nâng cao công tác quản trị, phát triển mạng lưới kinh doanh./ *The Board of Directors participates in directing and supporting the Board of Directors in finding business partners, improving governance, and developing business networks.*
  - Hội đồng quản trị phân quyền, phân nhiệm cụ thể cho từng thành viên HĐQT, để Ban Tổng Giám đốc chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ và Nghị quyết HĐQT đề ra./ *The Board of Directors delegates and assigns specific powers to each member of the Board of Directors, so that the Board of Directors can proactively manage production and business activities, implement the planned targets according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders and the Resolution of the Board of Directors.*
  - Định kỳ Ban Tổng Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh cho Hội đồng quản trị để được lãnh chỉ đạo kịp thời, hiệu quả./ *Periodically, the Board of Directors of the Company shall report the results of production and business implementation to the Board of Directors for timely and effective direction.*
4. **Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):**
- 4.1. **Hoạt động của Ủy ban kiểm toán/Activities of the Audit Committee:**
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị./ *Inspect and supervise the implementation of Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.*
  - Chuẩn bị kế hoạch kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty./ *Prepare a plan to inspect and supervise the compliance with legal regulations, the Charter and the Company's internal governance regulations.*
  - Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ/ *Implementation of internal audit*
- 4.2. **Hoạt động của Ban thư ký/Activities of the Secretariat:**
- Thực hiện công bố thông tin bất thường và định kỳ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng quản lý chứng khoán./ *Perform irregular and periodic information disclosure at the request of securities management authorities.*
  - Tổ chức đại hội cổ đông thường niên cho năm tài chính 2024./ *Organize the annual general meeting of shareholders for the fiscal year 2024.*
  - Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025 để điều chỉnh bổ sung điều lệ./ *Collecting shareholders' written opinions in 2025 regarding amendments and supplements to the Company Charter.*
  - Thực hiện ghi chép, lưu trữ các biên bản họp Hội đồng quản trị và các công việc khác do Hội đồng quản trị phân công./ *Record and archive the minutes of the Board of Directors meetings and other tasks assigned by the Board of Directors.*
5. **Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm) /Resolutions/Decisions of the Board of Directors (years):**

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                         | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|---------|------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1.      | 01/25/NQ-HĐQT-DBT                                    | 02/01/2025   | Về việc thay đổi vốn điều lệ công ty/ Regarding the Change of the Company's Charter Capital | 100%                             |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                              | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 2.      | 03/25/QĐ-HĐQT-DBT                                           | 08/01/2025          | Ban hành Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre./ <i>Promulgating the Charter of Ben Tre Pharmaceutical Joint Stock Company.</i>                                                                                                                 | 100%                                    |
| 3.      | 13/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 27/02/2025          | Về việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm tiền vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre/ <i>Regarding the Adjustment of Security Measures for Loan at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Ben Tre Branch</i> | 100%                                    |
| 4.      | 14/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 03/03/2025          | Về việc tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024/ <i>Organizing the Annual General Meeting for Financial Year 2024</i>                                                                                                               | 100%                                    |
| 5.      | 17/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 27/03/2025          | Về việc góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare/ <i>Regarding Additional Capital Contribution to Ypharco Healthcare Joint Stock Company</i>                                                                                                 | 100%                                    |
| 6.      | 21/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 03/04/2025          | Về việc tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2024/ <i>Organizing the Annual General Meeting for Financial Year 2024</i>                                                                                                               | 100%                                    |
| 7.      | 22/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 08/04/2025          | Về việc tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ tại các công ty do Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre góp vốn/ <i>Regarding Participation in General Meetings of Shareholders at Companies Invested by Ben Tre Pharmaceutical Joint Stock Company</i>                 | 100%                                    |
| 8.      | 23/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 15/04/2025          | Về việc nhận cấp tín dụng và tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn/ <i>Regarding Credit Facility and Secured Assets at Military Commercial Joint Stock Bank – East Saigon Branch</i>                                     | 100%                                    |
| 9.      | 26/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 28/04/2025          | Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng/ <i>Regarding the Dismissal and Appointment of the Chief Accountant</i>                                                                                                                                   | 100%                                    |
| 10.     | 29/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 09/05/2025          | Ban hành Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre./ <i>Promulgating the Charter of Ben Tre Pharmaceutical Joint Stock Company.</i>                                                                                                                 | 100%                                    |
| 11.     | 30/25/QĐ-HĐQT-DBT                                           | 05/06/2025          | Về việc nhận cấp tín dụng và tài sản bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>Regarding the Credit Facility and Secured Assets at Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank – Ho Chi Minh City Branch.</i> | 100%                                    |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                            | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 12.     | 31/25/QĐ-HĐQT-DBT                                           | 30/06/2025          | Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2025/ <i>The selection of an auditing firm for the 2025 Financial Statements.</i>                                                                                                                                                               | 100%                                    |
| 13.     | 32/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 25/07/2025          | Về việc thay đổi mẫu dấu và sửa đổi, ban hành điều lệ công ty/ <i>On the change of the Company seal specimen and the amendment and issuance of the Company Charter</i>                                                                                                                | 100%                                    |
| 14.     | 33/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 28/07/2025          | Về việc thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024/ <i>Regarding the approval of the implementation of the share issuance plan for dividend payment for 2024</i>                                                                                        | 100%                                    |
| 15.     | 34/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 29/07/2025          | Về việc thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng tại Vietinbank – Chi nhánh Bến Tre<br><i>Regarding the approval of the credit limit granted by VietinBank – Ben Tre Branch</i>                                                                                                         | 100%                                    |
| 16.     | 39/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 01/08/2025          | Về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng<br><i>Regarding the approval of the dismissal and appointment of the Chief Accountant</i>                                                                                                                                               | 100%                                    |
| 17.     | 41/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 14/08/2025          | Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ <i>Regarding the determination of the record date for entitlement to stock dividends and for obtaining shareholders' opinions in writing</i>                               | 100%                                    |
| 18.     | 48/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 10/09/2025          | V/v thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)/ <i>Regarding the approval of the credit limit granted by Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (Techcombank)</i>                                                                  | 100%                                    |
| 19.     | 49/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 16/09/2025          | Về hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đông Sài Gòn.<br><i>Regarding the credit limit granted by Military Commercial Joint Stock Bank – Dong Sai Gon Branch</i>                                                                                                         | 100%                                    |
| 20.     | 50/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 25/09/2025          | Về việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025<br><i>Regarding the organization of the written solicitation of shareholders' opinions in 2025</i>                                                                                                                           | 100%                                    |
| 21.     | 52/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 30/09/2025          | Về việc bảo lãnh Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank)/ <i>Regarding the approval of the provision of a bank guarantee for Ypharco Healthcare Joint Stock Company at Ho Chi Minh City Development Commercial Joint Stock Bank (HDBank)</i> | 100%                                    |

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ thông qua<br><i>Approval rate</i> |
|---------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 22.     | 54/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 02/10/2025          | Về hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam.<br><i>Regarding the credit limit granted by Shinhan Bank Vietnam Limited..</i>                                                                                                                                                                        | 100%                                    |
| 23.     | 56/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 03/10/2025          | Về việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ Công ty.<br><i>Regarding the registration of the amendment to the Company's charter capital</i>                                                                                                                                                                      | 100%                                    |
| 24.     | 58/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 09/10/2025          | Về việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Ypharco Healthcare.<br><i>Regarding the increase in equity ownership in Ypharco Healthcare Joint Stock Company</i>                                                                                                                                          | 100%                                    |
| 25.     | 59/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 13/10/2025          | Về việc sửa đổi, ban hành điều lệ công ty<br><i>Regarding the amendment and issuance of the Company Charter</i>                                                                                                                                                                                           | 100%                                    |
| 26.     | 61/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 20/10/2025          | Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thành phố Đà Nẵng<br><i>Regarding the transfer of land use rights in Da Nang City</i>                                                                                                                                                                         | 100%                                    |
| 27.     | 64/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 28/10/2025          | Về việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm tiền vay tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre/ <i>Regarding the amendment of loan security arrangements at VietinBank – Ben Tre Branch</i>                                                                                                    | 100%                                    |
| 28.     | 66/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 24/12/2025          | Về việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm tiền vay tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre/ <i>Regarding the amendment of loan security arrangements at VietinBank – Ben Tre Branch</i>                                                                                                    | 100%                                    |
| 29.     | 67/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 26/12/2025          | Về việc giao dịch bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha (Mã chứng khoán: CDP)/ <i>Regarding the sale transaction of shares in Codupha Central Pharmaceutical Joint Stock Company (Stock code: CDP)</i>                                                                            | 100%                                    |
| 30.     | 69/25/NQ-HĐQT-DBT                                           | 31/12/2025          | V/v thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty/ <i>Approval of contracts and transactions between the Company and internal persons, related persons of internal persons, or related parties of the Company.</i> | 100%                                    |

### III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm)/*Audit Committee (year report):*

#### 1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Audit Committee:*

| Stt<br>No. | Thành viên UBKT<br><i>Members of Audit Committee</i>      | Chức vụ<br><i>Position</i>                           | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of the Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn<br><i>Qualification</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Thanh Tùng<br><i>Mr. Nguyen Thanh Tung</i>     | Chủ tịch UBKT/<br><i>Chairman</i>                    | 09/05/2023                                                                                                                        | Cử nhân Kinh tế                             |
| 2          | Ông Trần Nguyễn Gia Bảo<br><i>Mr. Tran Nguyen Gia Bao</i> | Thành viên UBKT/<br><i>Member of Audit Committee</i> | 23/04/2021                                                                                                                        | Cử nhân Kinh tế                             |

**2. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán/ Meetings of Audit Committee:**

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Audit Committee</i> | Số buổi họp tham dự<br><i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp<br><i>Reasons for absence</i> |
|------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Nguyễn Thanh Tùng<br><i>Mr. Nguyen Thanh Tung</i>            | 2/2                                                       | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |
| 2          | Ông Trần Nguyễn Gia Bảo<br><i>Mr. Tran Nguyen Gia Bao</i>        | 2/2                                                       | 100%                                        | 100%                                   |                                                       |

**3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông/ Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Audit Committee:**

- Giám sát việc thực hiện tổ chức ĐHĐCĐ thường niên cho năm tài chính 2024./ *Monitoring the implementation of the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2024.*
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGD/ *Supervising the management activities through implementation of the board resolutions as well as the authorization between the board and the CEO*
- Tiếp xúc trực tiếp với các Giám đốc điều hành để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty/ *Contacting directly with the executive directors to understand the company's business operations*
- Kiểm tra và giám sát HĐQT về việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty./ *Inspect and supervise the Board of Directors on the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders, compliance with the Charter and Internal Governance Regulations of the Company.*

- Kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nghị quyết HĐQT./ *Inspect and supervise the activities of the Board of Directors in the implementation of resolutions of the Board of Directors.*
- 4. **Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/The coordination among the Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:**
  - Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Ủy ban Kiểm toán/ *The management always supported the satisfied the information request from the audit committee for their supervisory duties*
  - Ủy ban Kiểm toán phối hợp với Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tài chính Kế toán và các phòng ban chức năng thực hiện việc kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chấp hành, tuân thủ những quy định của pháp luật, những quy định của công ty có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh./ *The Audit Committee shall coordinate with the Board of General Directors, the Finance and Accounting Department and functional departments in regularly inspecting and supervising the observance and compliance with the provisions of law and the company's regulations related to production and business activities.*
- 5. **Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/ Other activities of the Audit Committee (if any):**
  - Không có./ *No*

**IV. Ban điều hành/ Board of Management:**

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>Date of appointment/ dismissal of members of the Board of Management/ |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Ông Phạm Thử Triệu<br><i>Mr. Pham Thu Trieu</i>         | 11/10/1979                           | Đại học Kế toán – Kiểm toán          | Bổ nhiệm 23/04/2019/ <i>Date of appointment 23/04/2019</i>                                                                  |
| 2          | Ông Nguyễn Khắc Hanh<br><i>Mr. Nguyen Khac Hanh</i>     | 19/10/1978                           | Đại học Kế toán                      | Bổ nhiệm 02/04/2021/ <i>Date of appointment 02/04/2021</i>                                                                  |
| 3          | Ông Hoàng Xuân An<br><i>Mr. Hoang Xuan An</i>           | 27/10/1978                           | Được sĩ Đại học                      | Bổ nhiệm 01/03/2017/ <i>Date of appointment 01/03/2017</i>                                                                  |

**V. Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng/ Chief Financial Officer, Chief Accountant:**

| Họ và tên/<br>Name                                      | Ngày tháng năm sinh/<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ/<br>Qualification                           | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm<br>Date of appointment/dismissal                                                                                                                                                                                                         |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Thế Quốc Uy<br><i>Mr. Nguyen The Quoc Uy</i> | 04/02/1984                            | Đại học Tài Chính - Ngân hàng/<br><i>Financial and Banking University</i> | Bổ nhiệm (Giám đốc tài chính/CFO) ngày 01/02/2023<br><i>Date of appointment 01/02/2023</i><br>Bổ nhiệm (Kế toán trưởng) ngày 01/10/2024/ <i>Date of appointment 01/10/2024 (Chief Accountant).</i><br>Miễn nhiệm (Kế toán trưởng) ngày 01/05/2025/ <i>Date of</i> |

|                                                    |            |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                    |            |                                                                                    | <i>mismissal 01/05/2025 (Chief Accountant).</i>                                                                                                                                                              |
| Bà Hoàng Thị Hòa<br><i>Mrs. Hoang Thi Hoa</i>      | 25/04/1981 | Cử nhân Kế toán tài chính/<br><i>Bachelor of Science in Accounting and Finance</i> | Bổ nhiệm (Kế toán trưởng) ngày 01/05/2025/ <i>Date of appointment 01/05/2025 (Chief Accountant).</i><br>Miễn nhiệm (Kế toán trưởng) ngày 01/08/2025/ <i>Date of mismissal 01/08/2025 (Chief Accountant).</i> |
| Bà Nguyễn Thùy Dung<br><i>Ms. Nguyen Thuy Dung</i> | 08/05/1992 | Cử nhân tài chính ngân hàng<br><i>Bachelor of banking and finance</i>              | Bổ nhiệm (Kế toán trưởng) ngày 01/08/2025/ <i>Date of appointment 01/08/2025 (Chief Accountant).</i>                                                                                                         |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance:***

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.

*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: No.*

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company (annual report) and transactions of affiliated persons of the Company:***

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company:***

| STT<br><i>No.</i> | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i>                                                 | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|-------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                 | Nguyễn Khắc Hanh                                              |                                                                                                             | Chủ tịch<br>HĐQT, Phó<br>Tổng giám<br>đốc, Phụ<br>trách quản<br>trị công ty/<br><i>Chairman of<br/>BOD cum<br/>Deputy<br/>General</i> |                            |                                    |                                        |                                                                  | 02/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                           |                                                                                                   | Director,<br>Person in<br>charge of<br>Corporate<br>Governance               |                            |                             |                                |                                                           |                                                                                                    |                                                                                                          |                  |                                                                             |
| 1.01       | Vũ Thị Mỹ Linh                                            |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 02/04/2021                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 1.02       | Nguyễn Quang Minh                                         |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 02/04/2021                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 1.03       | Nguyễn Minh Hưng                                          |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 02/04/2021                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 1.04       | Nguyễn Khắc Hiền                                          |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 02/04/2021                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 1.05       | Nguyễn Thị Cúc                                            |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 02/04/2021                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 1.06       | Nguyễn Khắc Hiếu                                          |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 02/04/2021                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i>          | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.07       | Nguyễn Khắc Hiệu                                                  |                                                                                                             | Không/ No                                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 02/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 1.08       | Nguyễn Khắc Hoan                                                  |                                                                                                             | Không/ No                                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 02/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 1.09       | Nguyễn Thị Tuyết Mai                                              |                                                                                                             | Không/ No                                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 02/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2          | Phạm Thứ Triệu                                                    |                                                                                                             | Thành viên<br>HĐQT,<br>Tổng Giám<br>đốc/ <i>Member<br/>of BOD cum<br/>General<br/>Director</i> |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |
| 2.01       | Bùi Hồng Hạnh                                                     |                                                                                                             | Không/ No                                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.02       | Phạm Thứ Trực                                                     |                                                                                                             | Không/ No                                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.03       | Phạm Bùi Hạnh Đan                                                 |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.04       | Phạm Phi Long                                                     |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.05       | Nguyễn Thị Tường                                                  |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.06       | Bùi Hồng                                                          |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.07       | Phạm Thị Liên                                                     |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.08       | Phạm Quốc Triệu                                                   |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 2.09       | Lê Thị Hồng Loan                                                  |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 12/5/2014                                                                                                    |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người                                                       |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                                          | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                    |                                                                                                   |                                                                              |                            |                             |                                |                                                           |                                                                                                    |                                                                                                       |                  | nội bộ/ Affiliated<br>person                                                |
| 2.10       | Phạm Thị Phước Thịnh                                                                               |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 12/5/2014                                                                                          |                                                                                                       |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 2.11       | Huỳnh Minh Quân                                                                                    |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 12/5/2014                                                                                          |                                                                                                       |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 2.12       | CTCP Dược phẩm<br>Trung ương Codupha                                                               |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 12/5/2014                                                                                          |                                                                                                       |                  | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / Affiliated<br>organisation    |
| 2.13       | Công ty Cổ phần Dược<br>phẩm BHC Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ<br>phần Bepharco<br>Healthcare) |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 2/11/2022                                                                                          |                                                                                                       |                  | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / Affiliated<br>organisation    |
| 2.14       | CTCP Giám định Cà<br>phê và Hàng hóa XNK                                                           |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 12/5/2014                                                                                          |                                                                                                       |                  | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / Affiliated<br>organisation    |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i>                                | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 2.15       | Công Ty Cổ Phần<br>Thương Mại Và Rang<br>Xay Cà Phê Việt Nam      |                                                                                                             | Không/ No                                                                                                            |                            |                                    |                                        |                                                                  | 05/07/2016                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / <i>Affiliated<br/>organisation</i>      |
| 3          | Hoàng Xuân An                                                     |                                                                                                             | Thành viên<br>HĐQT, Phó<br>Tổng Giám<br>đốc Cty/<br><i>Member of<br/>BOD cum<br/>Deputy<br/>General<br/>Director</i> |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |
| 3.01       | Nguyễn Thị Mai<br>Nguyễn                                          |                                                                                                             | Không/ No                                                                                                            |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 3.02       | Hoàng Thanh Hương                                                 |                                                                                                             | Không/ No                                                                                                            |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 3.03       | Hoàng Châu Anh                                                    |                                                                                                             | Không/ No                                                                                                            |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người                                                       |

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i> |
|---------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                               |                                                                                        |                                                                         |                         |                                    |                                    |                                                            |                                                                                            |                                                                                            |                         | nội bộ/ <i>Affiliated person</i>                                           |
| 3.04    | Hoàng Xuân Minh                                               |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                                            | 01/03/2017                                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan của người nội bộ/ <i>Affiliated person</i>              |
| 3.05    | Phạm Thị Rành                                                 |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                                            | 01/03/2017                                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan của người nội bộ/ <i>Affiliated person</i>              |
| 3.06    | Nguyễn Văn Kỳ                                                 |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                                            | 01/03/2017                                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan của người nội bộ/ <i>Affiliated person</i>              |
| 3.07    | Mai Thị Thanh Ngọc                                            |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                                            | 01/03/2017                                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan của người nội bộ/ <i>Affiliated person</i>              |
| 3.08    | Nguyễn Thị Hồng Nhung                                         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                                            | 01/03/2017                                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan của người nội bộ/ <i>Affiliated person</i>              |
| 3.09    | Mai Văn Dự                                                    |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                                            | 01/03/2017                                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan của người                                               |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                   |                                                                                                             |                                                                                       |                            |                                    |                                        |                                                                  |                                                                                                              |                                                                                                                 |                         | nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>                                                  |
| 3.10       | Nguyễn Thị Hồng<br>Hạnh                                           |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 3.11       | Phạm Kinh Doanh                                                   |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 3.12       | Hoàng Xuân Trường                                                 |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 3.13       | Hồ Thị Lang                                                       |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/03/2017                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 3.14       | CTCP Dược phẩm Yên<br>Bái                                         |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 09/06/2020                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / <i>Affiliated<br/>organisation</i>      |
| 3.15       | Công ty cổ phần<br>Ypharco Healthcare                             |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 2/11/2022                                                                                                    |                                                                                                                 |                         | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / <i>Affiliated<br/>organisation</i>      |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the Company<br>(if any)                                                        | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                           |                                                                                                   |                                                                                                                                     |                            |                             |                                |                                                           |                                                                                                    |                                                                                                       |                  |                                                                             |
| 4          | Trần Nguyễn Gia Bảo                                       |                                                                                                   | Thành viên<br>HĐQT độc<br>lập kiêm<br>thành viên<br>UBKT/<br>Independent<br>member of<br>BOD cum<br>Member of<br>Audit<br>Committee |                            |                             |                                |                                                           | 23/04/2021                                                                                         |                                                                                                       |                  | Người nội bộ/<br>Internal person                                            |
| 4.01       | Nguyễn Thị Hạnh                                           |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                           |                            |                             |                                |                                                           | 23/04/2021                                                                                         |                                                                                                       |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 4.02       | Trần Nguyễn Gia Minh                                      |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                           |                            |                             |                                |                                                           | 23/04/2021                                                                                         |                                                                                                       |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 4.03       | Trần Nguyễn Gia An                                        |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                           |                            |                             |                                |                                                           | 23/04/2021                                                                                         |                                                                                                       |                  | Người có liên<br>quan của người                                             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                   |                                                                                                             |                                                                                       |                            |                                    |                                        |                                                                  |                                                                                                              |                                                                                                                     |                         | nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>                                                  |
| 4.04       | Trần Đình Bản                                                     |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 23/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 4.05       | Nguyễn Thị Hiếu                                                   |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 23/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 4.06       | Trần Nguyễn Quốc Bảo                                              |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 23/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 4.07       | Trần Nguyễn Ngọc<br>Uyên                                          |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                      |                            |                                    |                                        |                                                                  | 23/04/2021                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 5          | Nguyễn Thế Quốc Uy                                                |                                                                                                             | Giám đốc tài<br>chính/ <i>Chief<br/>Financial<br/>Officer</i>                         |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/02/2023                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of organization/individual                                    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br>Securities trading account (if any) | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br>Position at the Company (if any) | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br>Time of starting to be affiliated person | Thời điểm không còn là người có liên quan<br>Time of ending to be affiliated person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the Company |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 5.01    | Nguyễn Thế Thiện                                                                          |                                                                                 | Không/ No                                                        |                         |                             |                             |                                                     | 01/02/2023                                                                          |                                                                                     |                  | Người có liên quan của người nội bộ/ Affiliated person          |
| 5.02    | Nguyễn Thị Kiều My                                                                        |                                                                                 | Không/ No                                                        |                         |                             |                             |                                                     | 01/02/2023                                                                          |                                                                                     |                  | Người có liên quan của người nội bộ/ Affiliated person          |
| 5.03    | Nguyễn Thị Nga My                                                                         |                                                                                 | Không/ No                                                        |                         |                             |                             |                                                     | 01/02/2023                                                                          |                                                                                     |                  | Người có liên quan của người nội bộ/ Affiliated person          |
| 5.04    | Phạm Phi Long                                                                             |                                                                                 | Không/ No                                                        |                         |                             |                             |                                                     | 01/02/2023                                                                          |                                                                                     |                  | Người có liên quan của người nội bộ/ Affiliated person          |
| 5.05    | Nguyễn Thị Gam My                                                                         |                                                                                 | Không/ No                                                        |                         |                             |                             |                                                     | 01/02/2023                                                                          |                                                                                     |                  | Người có liên quan của người nội bộ/ Affiliated person          |
| 5.06    | Công ty Cổ phần Dược phẩm BHC Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Bepharco Healthcare) |                                                                                 | Không/ No                                                        |                         |                             |                             |                                                     | 12/10/2024                                                                          |                                                                                     |                  | Người có liên quan của người nội bộ/ Affiliated person          |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i>                                                           | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                   |                                                                                                             |                                                                                                                                                 |                            |                                    |                                        |                                                                  |                                                                                                              |                                                                                                                     |                         |                                                                                       |
| 6          | Nguyễn Thanh Tùng                                                 |                                                                                                             | Thành viên<br>HĐQT độc<br>lập kiêm<br>Chủ tịch<br>UBKT/<br><i>Independent<br/>member of<br/>BOD cum<br/>Chairman of<br/>Audit<br/>Committee</i> |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                         | Người nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |
| 6.01       | Nguyễn Tri                                                        |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                                                |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 6.02       | Nguyễn Thị Tâm                                                    |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                                                |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 6.03       | Trương Kim Hồng                                                   |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                                                |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người                                                       |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                           |                                                                                                   |                                                                              |                            |                             |                                |                                                           |                                                                                                    |                                                                                                          |                  | nội bộ/ Affiliated<br>person                                                |
| 6.04       | Trần Gia Anh Thi                                          |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.05       | Nguyễn Gia Ân                                             |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.06       | Nguyễn Trần Ngân<br>Phúc                                  |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.07       | Nguyễn Gia Vinh                                           |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.08       | Nguyễn Thanh Trường                                       |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 6.09       | Nguyễn Thị Hoàng Yến                                      |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.10       | Nguyễn Thị Hoàng<br>Oanh                                  |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.11       | Nguyễn Thanh Tòng                                         |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 6.12       | Nguyễn Thị Hoàng<br>Uyên                                  |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 5/9/2023                                                                                           |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i>                                                                                            | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i>                     | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.13       | Phan Thị Sương                                                                                                                                               |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                                             | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 6.14       | Nguyễn Thục Kha                                                                                                                                              |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                                             | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 6.15       | Công ty cổ phần xây<br>dựng và sản xuất<br>VLXD Biên Hòa/ <i>Bien<br/>Hoa Building Materials<br/>Production And<br/>Construction Joint<br/>Stock Company</i> |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 5/9/2023                                                                                                     |                                                                                                                     |                                             | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / <i>Affiliated<br/>organisation</i>      |
| 7          | Hoàng Thị Hòa                                                                                                                                                |                                                                                                             | Kế toán<br>trưởng/<br><i>Chief<br/>Accountant</i>                                     |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          | Miễn<br>nhiệ<br>m/<br><i>Mismi<br/>ssal</i> | Người Nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.01       | Trần Bảo Huy                                                      |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 7.02       | Hoàng Quốc Mịch                                                   |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 7.03       | Phạm Thị Hải                                                      |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 7.04       | Hoàng Thị Phương Hà                                               |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 7.05       | Hoàng Đức Trung                                                   |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 7.06       | Hà Văn Tiếp                                                       |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/05/2025                                                                                                   | 01/08/2025                                                                                                          |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at<br>the Company<br>(if any) | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/Relationship<br>with the<br>Company |
|------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 7.07       | Nguyễn Thị Hồng<br>Hạnh                                   |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 01/05/2025                                                                                         | 01/08/2025                                                                                               |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ Affiliated<br>person             |
| 8          | Nguyễn Thùy Dung                                          |                                                                                                   | Kế toán<br>trưởng/<br>Chief<br>Accountant                                    |                            |                             |                                |                                                           | 01/08/2025                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người Nội bộ/<br>Internal person                                            |
| 8.01       | Nguyễn Đình Huy                                           |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 01/08/2025                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/                                  |
| 8.02       | Hoàng Thị Lan                                             |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 01/08/2025                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/                                  |
| 8.03       | Nguyễn Đình Diễn                                          |                                                                                                   | Không/ No                                                                    |                            |                             |                                |                                                           | 01/08/2025                                                                                         |                                                                                                          |                  | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/                                  |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.04       | Nguyễn Thị Phương<br>Uyên                                         |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/08/2025                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/                                            |
| 8.05       | Nguyễn Đình Quang<br>Trường                                       |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 01/08/2025                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/                                            |
| 9          | Phan Thị Thanh Tài                                                |                                                                                                             | Thư ký<br>HĐQT/<br><i>Secretaries</i>                                                 |                            |                                    |                                        |                                                                  | 25/09/2024                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người Nội bộ/<br><i>Internal person</i>                                               |
| 9.01       | Phan Hữu Trung                                                    |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 25/09/2024                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 9.02       | Phạm Thị Đào                                                      |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 25/09/2024                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i> | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.03       | Phan Thị Thanh Tú                                                 |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 25/09/2024                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 9.04       | Phan Thanh Tùng                                                   |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 25/09/2024                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Người có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>               |
| 9.05       | CTCP Dược phẩm Yên Bái                                            |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 15/04/2025                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ/ <i>Affiliated<br/>person</i>             |
| 9.06       | Công ty Cổ phần Dược<br>phẩm BHC Việt Nam                         |                                                                                                             | Không/ No                                                                             |                            |                                    |                                        |                                                                  | 25/09/2024                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ / <i>Affiliated<br/>person</i>            |
| 10         | CTCP Dược phẩm<br>Yên Bái                                         | Không/ No                                                                                                   | Không/ No                                                                             | 5200209230                 | 03/01/2003                         | Sở Tài<br>chính tỉnh<br>Lào Cai        | 725 đường<br>Yên Ninh,<br>P. Yên Bái,<br>tỉnh Lào<br>Cai         | 11/29/2016                                                                                                   |                                                                                                                 |                         | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                     |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/individual</i>                                      | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br><i>Position at<br/>the Company<br/>(if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of<br/>issue</i> | Địa chỉ trụ<br>sở chính/<br>Địa chỉ liên<br>hệ<br><i>Address</i>                          | Thời điểm bắt<br>đầu là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>starting to be<br/>affiliated<br/>person</i> | Thời điểm<br>không còn<br>là người có<br>liên quan<br><i>Time of<br/>ending to<br/>be<br/>affiliated<br/>person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên<br>quan với công<br>ty/ <i>Relationship<br/>with the<br/>Company</i> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 11         | Công ty cổ phần<br>Ypharco Healthcare                                                                  | Không/ No                                                                                                   | Không/ No                                                                             | 0108802961                 | 28/06/2019                         | Sở Tài<br>chính tỉnh<br>Hưng Yên       | Đường D1,<br>KCN Yên<br>Mỹ II, Xã<br>Yên Mỹ,<br>tỉnh Hưng<br>Yên                          | 16/06/2023                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                     |
| 12         | Công ty Cổ phần<br>Dược phẩm BHC Việt<br>Nam ( trước đây là<br>Công ty Cổ phần<br>Bepharco Healthcare) | Không/ No                                                                                                   | Không/ No                                                                             | 3502487590                 | 02/11/2022                         | Sở Tài<br>chính tỉnh<br>Vĩnh Long      | Số 179<br>Nguyễn<br>Đình<br>Chiểu,<br>Phường<br>An Hội,<br>Tỉnh Vĩnh<br>Long, Việt<br>Nam | 11/02/2022                                                                                                   |                                                                                                                     |                         | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                                     |

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons*

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i>                        | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                               | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú/<br><i>Notes</i>                        |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 1          | Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái/ <i>Yenbai Joint-Stocks Pharmaceutical Company</i> | Công ty con/<br><i>Subsidiary</i>                                            | 5200209230,<br>Cấp ngày<br>03/01/2003,<br>SKHĐT Yên Bái                               | 725 Yên Ninh – P.Yên Bái, Tỉnh Lào Cai/<br>725 Yen Ninh – Yen Bai Ward, Lao Cai Province | 01/01/2025 - 31/12/2025                                                               | 90/24/NQ-HĐQT-DBT ngày 31/12/2024 và 23/NQ-ĐHĐCĐ23 ngày 24/4/2025                                                                                                                                                                        | 51.508.610.269                                                                                         | Mua hàng hóa<br><i>Purchase of goods</i>        |
|            |                                                                                      |                                                                              |                                                                                       |                                                                                          |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                          | 30.226.995                                                                                             | Trả lại hàng đã mua<br><i>Returned purchase</i> |
|            |                                                                                      |                                                                              |                                                                                       |                                                                                          |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                          | 10.000.000.000                                                                                         | Vay/Borrowing                                   |
|            |                                                                                      |                                                                              |                                                                                       |                                                                                          |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                          | 10.000.000.000                                                                                         | Trả nợ vay<br><i>Repayment of loan</i>          |
|            |                                                                                      |                                                                              |                                                                                       |                                                                                          |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                          | 170.958.905                                                                                            | Lãi vay<br><i>Loan interest</i>                 |
|            |                                                                                      |                                                                              |                                                                                       |                                                                                          |                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                          | 720.187.859                                                                                            | Sử dụng dịch vụ<br><i>Used of service</i>       |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                                                                                          | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of<br>issue, place of<br>issue                                                       | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                                                         | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors<br>(if any, specifying date of<br>issue) | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch/<br>Content, quantity, total<br>value of transaction | Ghi chú/<br>Notes                       |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 2          | Công ty Cổ phần Dược<br>phẩm BHC Việt Nam (trước đây là Công ty<br>Cổ phần Bepharco<br>Healthcare)/ BHC<br>Pharmaceutical Joint-<br>Stocks Company | Công ty con/<br>Subsidiary                                               | 3502487590 cấp<br>lần đầu ngày<br>02/11/2022 tại<br>SKHĐT tỉnh Bà<br>Rịa- Vũng Tàu,<br>thay đổi lần thứ<br>9 tại Sở Tài<br>chính Vĩnh Long | Số 179 Nguyễn Đình<br>Chiều, Phường An<br>Hội, Tỉnh Vĩnh<br>Long, Việt Nam/ No.<br>179 Nguyen Dinh<br>Chieu, An Hoi Ward,<br>Vinh Long Province,<br>Vietnam | 01/01/2025 -<br>31/12/2025                                                              | 90/24/NQ-HĐQT-DBT ngày<br>31/12/2024 và 23/NQ-<br>ĐHĐCĐ23 ngày 24/4/2025                                                                                                                                                                         | 51.990.661.552                                                                                     | Bán hàng hóa<br>Sale of goods           |
|            |                                                                                                                                                    |                                                                          |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                             |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 3.971.246.935                                                                                      | Nhận lại hàng đã<br>bán<br>Sale returns |
|            |                                                                                                                                                    |                                                                          |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                             |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 1.054.112.400                                                                                      | Mua hàng hóa<br>Purchase of goods       |
| 3          | Công ty Cổ phần<br>Ypharco Health Care/<br>Ypharco Healthcare<br>Joint Stock Company                                                               | Công ty con/<br>Subsidiary                                               | 108802961<br>Cấp ngày<br>28/06/2019<br>SKHĐT Hưng<br>Yên                                                                                   | Đường D1, khu công<br>nghiệp Yên Mỹ II, Xã<br>Yên Mỹ, Tỉnh Hưng<br>Yên/ D1 Street, Yen<br>My II Industrial Park,<br>Yen My commune,<br>Hung Yen Province    | 01/01/2025 -<br>31/12/2025                                                              | 90/24/NQ-HĐQT-DBT ngày<br>31/12/2024 và 23/NQ-<br>ĐHĐCĐ23 ngày 24/4/2025                                                                                                                                                                         | 4.884.537.411                                                                                      | Bán hàng hóa<br>Sale of goods           |
|            |                                                                                                                                                    |                                                                          |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                             |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 8.503.216.800                                                                                      | Mua hàng hóa<br>Purchase of goods       |
|            |                                                                                                                                                    |                                                                          |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                             |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 5.000.000.000                                                                                      | Cho vay/ Lending                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                                                       | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company    | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of<br>issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                    | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors<br>(if any, specifying date of<br>issue) | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch/<br>Content, quantity, total<br>value of transaction | Ghi chú/<br>Notes                                                                                   |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                                                                                 |                                                                             |                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 20.000.000.000                                                                                     | Thu nợ vay / Loans<br>repayment                                                                     |
|            |                                                                                                                 |                                                                             |                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 443.150.684                                                                                        | Lãi cho vay<br>Loan interest                                                                        |
|            |                                                                                                                 |                                                                             |                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 5.722.200.000                                                                                      | Sử dụng dịch vụ<br>Used of service                                                                  |
|            |                                                                                                                 |                                                                             |                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 120.000.000                                                                                        | Cung cấp dịch vụ<br>Provide service                                                                 |
|            |                                                                                                                 |                                                                             |                                                                                      |                                                                                                                        |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 1.851.917.808                                                                                      | Nhận tiền lãi vay/<br>Receive interest on<br>a loan                                                 |
| 4          | Công Ty Cổ Phần<br>Dược Phẩm Trung<br>Uơng Codupha/<br>Codupha Central<br>Pharmaceutical Joint<br>Stock Company | Tổ chức liên quan của<br>người nội bộ/ Relevant<br>organization of insiders | 0300483319,<br>18/8/2010, Sở<br>KHĐT TPHCM                                           | 262L Đường Lê Văn<br>Sỹ, Phường Nhiêu<br>Lộc, TP.HCM/ 262L<br>Le Van Sy Street,<br>Nhiu Loc Ward, Ho<br>Chi Minh City. | 01/01/2025 -<br>31/12/2025                                                              | 90/24/NQ-HĐQT-DBT ngày<br>31/12/2024 và 23/NQ-<br>ĐHĐCĐ23 ngày 24/4/2025                                                                                                                                                                         | 6.471.014                                                                                          | Thu tiền Bán hàng<br>hoá từ năm 2024/<br>Collection of<br>proceeds from<br>goods sold since<br>2024 |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                                                                                                                                   | Mối quan hệ liên quan<br>với công ty<br>Relationship with the<br>Company    | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of<br>issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                | Thời điểm<br>giao dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transactions<br>with the<br>Company | Số Nghị quyết/Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/HĐQT...<br>thông qua (nếu có, nêu rõ<br>ngày ban hành)<br>Resolution No. or Decision<br>No. approved by General<br>Meeting of Shareholders/<br>Board of Directors<br>(if any, specifying date of<br>issue) | Nội dung, số lượng,<br>tổng giá trị giao dịch/<br>Content, quantity, total<br>value of transaction | Ghi chú/<br>Notes              |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
|            |                                                                                                                                                                                             |                                                                             |                                                                                      |                                                                                                                    |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                  | 3.999.996                                                                                          | Bán hàng hóa/ Sale<br>of goods |
| 5          | Công Ty Cổ Phần<br>Giám Định Cà Phê Và<br>Hàng Hóa Xuất Nhập<br>Khẩu/ The<br>Superintendence And<br>Inspection<br>Of Coffee And<br>Products For Export<br>And Import Joint Stock<br>Company | Tổ chức liên quan của<br>người nội bộ/ Relevant<br>organization of insiders | 301240291<br>06/06/2008,<br>SKHĐT TPHCM                                              | 228A Pasteur, Phường<br>Xuân Hoà, Thành phố<br>Hồ Chí Minh/ 228A<br>Pasteur, Ward Xuan<br>Hoa, Ho Chi Minh<br>City | 01/01/2025 -<br>31/12/2025                                                              | 90/24/NQ-HĐQT-DBT ngày<br>31/12/2024 và 23/NQ-<br>ĐHĐCĐ23 ngày 24/4/2025                                                                                                                                                                         | 39.317.593                                                                                         | Mua hàng hoá/ Buy<br>goods     |

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:

Không/ No

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):

Đã liệt kê tại mục 2/ *Set forth in Section 2*

- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO):*

Không/No

- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers:*

Không/No

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons:*

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i>                                                                                      | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1       | Nguyễn Khắc Hanh      |                                                                                        | Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Phụ trách quản trị công ty/<br><i>Chairman of BOD cum Deputy General Director Person in charge of Corporate Governance</i> |                         |                                    |                                    |                                   | 1.399.779                                                                            | 6,37%                                                                                          |                        |
| 1.01    | Vũ Thị Mỹ Linh        |                                                                                        | Không/ No                                                                                                                                                    |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Vợ                     |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1.02    | Nguyễn Quang Minh     |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 1.03    | Nguyễn Minh Hưng      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 1.04    | Nguyễn Khắc Hiên      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Bố đẻ                  |
| 1.05    | Nguyễn Thị Cúc        |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Mẹ đẻ                  |
| 1.06    | Nguyễn Khắc Hiều      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Anh ruột               |
| 1.07    | Nguyễn Khắc Hiệu      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Anh ruột               |
| 1.08    | Nguyễn Khắc Hoan      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 1.157.252                                                                            | 5,27%                                                                                          | Em ruột                |
| 1.09    | Nguyễn Thị Tuyết Mai  |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Em ruột                |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i>      | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 2       | Phạm Thứ Triệu        |                                                                                        | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc/<br><i>Member of BOD cum General Director</i> |                            |                                    |                                    |                                   | 4.658.054                                                                            | 21,20%                                                                                         |                        |
| 2.01    | Bùi Hồng Hạnh         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 1.621.222                                                                            | 7,38%                                                                                          | Vợ                     |
| 2.02    | Phạm Thứ Trực         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 2.03    | Phạm Bùi Hạnh Đan     |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 2.04    | Phạm Phi Long         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Bố đẻ                  |
| 2.05    | Nguyễn Thị Tường      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Mẹ đẻ                  |
| 2.06    | Bùi Hồng              |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Bố vợ                  |
| 2.07    | Phạm Thị Liên         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Mẹ vợ                  |
| 2.08    | Phạm Quốc Triệu       |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Anh ruột               |
| 2.09    | Lê Thị Hồng Loan      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Chị dâu                |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>company (if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br><i>Number of<br/>shares<br/>owned at the<br/>end of the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage of<br/>share<br/>ownership at<br/>the end of the<br/>period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i>                                       |
|---------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 2.10    | Phạm Thị Phước<br>Thịnh                      |                                                                                                             | Không/ No                                                                      |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em<br>ruột                                                   |
| 2.11    | Huỳnh Minh<br>Quân                           |                                                                                                             | Không/ No                                                                      |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em rể                                                        |
| 2.12    | CTCP Dược<br>phẩm Trung<br>ương Codupha      |                                                                                                             | Không/ No                                                                      |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Tổ<br>chức có<br>liên<br>quan<br>Ông<br>Phạm<br>Thứ<br>Triệu |
| 2.13    | Công ty Cổ phần<br>Dược phẩm BHC<br>Việt Nam |                                                                                                             | Không/ No                                                                      |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Tổ<br>chức có<br>liên<br>quan<br>Ông<br>Phạm<br>Thứ<br>Triệu |
| 2.14    | CTCP Giám định<br>Cà phê và Hàng<br>hóa XNK  |                                                                                                             | Không/ No                                                                      |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Tổ<br>chức có<br>liên<br>quan<br>Ông<br>Phạm<br>Thứ<br>Triệu |
| 2.15    | Công Ty Cổ<br>Phần Thương<br>Mại Và Rang     |                                                                                                             | Không/ No                                                                      |                            |                                    |                                    |                                   | 731.880                                                                                                    | 3,33%                                                                                                                | Tổ<br>chức có<br>liên<br>quan                                |

| Stt No. | Họ tên<br>Name        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any)                        | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note    |
|---------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|         | Xây Cà Phê Việt Nam   |                                                                                                   |                                                                                               |                            |                             |                             |                            |                                                                                                 |                                                                                                           | Ông Phạm Thử Triệu |
| 3       | Hoàng Xuân An         |                                                                                                   | Thành viên HĐQT,<br>Phó Tổng Giám đốc<br>Cty/ Member of<br>BOD cum Deputy<br>General Director |                            |                             |                             |                            | 326.555                                                                                         | 1,49%                                                                                                     |                    |
| 3.01    | Nguyễn Thị Mai Nguyệt |                                                                                                   | Không/ No                                                                                     |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Vợ                 |
| 3.02    | Hoàng Thanh Hương     |                                                                                                   | Không/ No                                                                                     |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Con đẻ             |
| 3.03    | Hoàng Châu Anh        |                                                                                                   | Không/ No                                                                                     |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Con đẻ             |
| 3.04    | Hoàng Xuân Minh       |                                                                                                   | Không/ No                                                                                     |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Con đẻ             |
| 3.05    | Phạm Thị Rành         |                                                                                                   | Không/ No                                                                                     |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Mẹ đẻ              |
| 3.06    | Nguyễn Văn Kỳ         |                                                                                                   | Không/ No                                                                                     |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Bố vợ              |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>              | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 3.07    | Mai Thị Thanh Ngộ                  |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Mẹ vợ                  |
| 3.08    | Nguyễn Thị Hồng Nhung              |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Chị ruột               |
| 3.09    | Mai Văn Dự                         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Anh rể                 |
| 3.10    | Nguyễn Thị Hồng Hạnh               |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Chị ruột               |
| 3.11    | Phạm Kinh Doanh                    |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Anh rể                 |
| 3.12    | Hoàng Xuân Trường                  |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Anh ruột               |
| 3.13    | Hồ Thị Lang                        |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Chị dâu                |
| 3.14    | CTCP Dược phẩm Yên Bái             |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Tổ chức có liên quan   |
| 3.15    | Công ty cổ phần Ypharco Healthcare |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Tổ chức có liên quan   |

| Stt No. | Họ tên<br>Name           | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account (if<br>any) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if any)                                                     | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br>Date of issue | Nơi cấp /<br>Place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br>Number of<br>shares<br>owned at the<br>end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|---------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 4       | Trần Nguyễn<br>Gia Bảo   |                                                                                                   | Thành viên<br>HĐQT độc lập<br>kiêm thành viên<br>UBKT/<br>Independent<br>member of BOD<br>cum member of<br>Audit Committee |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        |                 |
| 4.01    | Nguyễn Thị<br>Hạnh       |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Vợ              |
| 4.02    | Trần Nguyễn Gia<br>Minh  |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Con đẻ          |
| 4.03    | Trần Nguyễn Gia<br>An    |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Con đẻ          |
| 4.04    | Trần Đình Bản            |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Bố              |
| 4.05    | Nguyễn Thị Hiếu          |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Mẹ              |
| 4.06    | Trần Nguyễn<br>Quốc Bảo  |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Em trai         |
| 4.07    | Trần Nguyễn<br>Ngọc Uyên |                                                                                                   | Không/ No                                                                                                                  |                            |                             |                             |                            | 0                                                                                               | 0%                                                                                                        | Em gái          |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>company (if any)</i>                                  | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br><i>Number of<br/>shares<br/>owned at the<br/>end of the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage of<br/>share<br/>ownership at<br/>the end of the<br/>period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 5       | Nguyễn Thế Quốc Uy                     |                                                                                                             | Giám đốc tài chính/ <i>Chief Financial Officer</i>                                                              |                            |                                    |                                    |                                   | 65.698                                                                                                     | 0,30%                                                                                                                |                        |
| 5.01    | Nguyễn Thế Thiện                       |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Bố đẻ                  |
| 5.02    | Nguyễn Thị Kiều My                     |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Mẹ đẻ                  |
| 5.03    | Nguyễn Thị Nga My                      |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em ruột                |
| 5.04    | Phạm Phi Long                          |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em rể                  |
| 5.05    | Nguyễn Thị Gam My                      |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em ruột                |
| 5.06    | Công ty Cổ phần Dược phẩm BHC Việt Nam |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                                                                |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Tổ chức có liên quan   |
| 6       | Nguyễn Thanh Tùng                      |                                                                                                             | Thành viên HĐQT độc lập kiêm Chủ tịch UBKT/<br><i>Independent member of BOD cum Chairman of Audit Committee</i> |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   |                        |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 6.01    | Nguyễn Tri            |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Bố đẻ                  |
| 6.02    | Nguyễn Thị Tâm        |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Mẹ đẻ                  |
| 6.03    | Trương Kim Hồng       |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Mẹ vợ                  |
| 6.04    | Trần Gia Anh Thi      |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Vợ                     |
| 6.05    | Nguyễn Gia Ân         |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 6.06    | Nguyễn Trần Ngân Phúc |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 6.07    | Nguyễn Gia Vinh       |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Con đẻ                 |
| 6.08    | Nguyễn Thanh Trường   |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Em trai                |
| 6.09    | Nguyễn Thị Hoàng Yến  |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Em gái                 |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>                                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>company (if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br><i>Number of<br/>shares<br/>owned at the<br/>end of the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage of<br/>share<br/>ownership at<br/>the end of the<br/>period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i>     |
|---------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 6.10    | Nguyễn Thị<br>Hoàng Oanh                                    |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 64.200                                                                                                     | 0,29%                                                                                                                | Em gái                     |
| 6.11    | Nguyễn Thanh<br>Tòng                                        |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em trai                    |
| 6.12    | Nguyễn Thị<br>Hoàng Uyên                                    |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em gái                     |
| 6.13    | Phan Thị Sương                                              |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em dâu                     |
| 6.14    | Nguyễn Thục<br>Kha                                          |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em dâu                     |
| 6.15    | Công ty cổ phần<br>xây dựng và sản<br>xuất VLXD Biên<br>Hòa |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Tổ<br>chức<br>liên<br>quan |
| 7       | <b>Hoàng Thị Hòa</b>                                        |                                                                                                             | <b>Kế toán trưởng/<br/>Chief Accountant</b>                                    |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Đã<br>miễn<br>nhiệm        |
| 7.01    | Trần Bảo Huy                                                |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Con                        |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>   | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>company (if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br><i>Number of<br/>shares<br/>owned at the<br/>end of the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage of<br/>share<br/>ownership at<br/>the end of the<br/>period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 7.02    | Hoàng Quốc<br>Mịch      |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Bố                     |
| 7.03    | Phạm Thị Hải            |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Mẹ                     |
| 7.04    | Hoàng Thị<br>Phương Hà  |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Chị gái                |
| 7.05    | Hoàng Đức<br>Trung      |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em trai                |
| 7.06    | Hà Văn Tiếp             |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Anh rể                 |
| 7.07    | Nguyễn Thị<br>Hồng Hạnh |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em dâu                 |
| 8       | Nguyễn Thùy<br>Dung     |                                                                                                             | Kế toán trưởng/<br><i>Chief Accountant</i>                                     |                            |                                    |                                    |                                   | 14.987                                                                                                     | 0,07%                                                                                                                |                        |
| 8.01    | Nguyễn Đình<br>Huy      |                                                                                                             | Không                                                                          |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Bố ruột                |

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>    | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br><i>Securities<br/>trading<br/>account (if<br/>any)</i> | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)<br><i>Position at the<br/>company (if any)</i> | Số Giấy NSH<br>(*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ<br><i>Number of<br/>shares<br/>owned at the<br/>end of the<br/>period</i> | Tỷ lệ sở hữu<br>cổ phiếu cuối<br>kỳ<br><i>Percentage of<br/>share<br/>ownership at<br/>the end of the<br/>period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 8.02    | Hoàng Thị Lan            |                                                                                                             | Không                                                                          |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Mẹ ruột                |
| 8.03    | Nguyễn Đình Diễn         |                                                                                                             | Không                                                                          |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em trai                |
| 8.04    | Nguyễn Thị Phương Uyên   |                                                                                                             | Không                                                                          |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em gái                 |
| 8.05    | Nguyễn Đình Quang Trường |                                                                                                             | Không                                                                          |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Em trai                |
| 9       | Phan Thị Thanh Tài       |                                                                                                             | Thư ký HĐQT/<br><i>Secretaries</i>                                             |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   |                        |
| 9.01    | Phan Hữu Trung           |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Ba ruột                |
| 9.02    | Phạm Thị Đào             |                                                                                                             | Không/ <i>No</i>                                                               |                            |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                                          | 0%                                                                                                                   | Mẹ ruột                |

130  
CỔ  
CỔ  
ƯỚC  
BẾN  
VĨNH

| Stt No. | Họ tên<br><i>Name</i>                                                                      | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the company (if any)</i> | Số Giấy NSH (*)/NSH No. | Ngày cấp /<br><i>Date of issue</i> | Nơi cấp /<br><i>Place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ<br><i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 9.03    | Phan Thị Thanh Tú                                                                          |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Chị gái                |
| 9.04    | Phan Thanh Tùng                                                                            |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Em trai                |
| 9.05    | CTCP Dược phẩm Yên Bái                                                                     |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Tổ chức có liên quan   |
| 9.06    | Công ty Cổ phần Dược phẩm BHC Việt Nam ( trước đây là Công ty Cổ phần Bepharco Healthcare) |                                                                                        | Không/ <i>No</i>                                                        |                         |                                    |                                    |                                   | 0                                                                                    | 0%                                                                                             | Tổ chức có liên quan   |

**2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company:***

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> |                             | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> |                             | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|---------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|         |                                                       |                                                                    | <i>Số cổ phiếu<br/>Number of shares</i>                                                | <i>Tỷ lệ<br/>Percentage</i> | <i>Số cổ phiếu<br/>Number of shares</i>                                           | <i>Tỷ lệ<br/>Percentage</i> |                                                                                                                                             |
| 1       | Ông Phạm Thứ Triệu<br><i>Mr. Pham Thu Trieu</i>       | Người nội bộ/ <i>internal persons</i>                              | 4.049.210                                                                              | 19,72%                      | 4.658.054                                                                         | 21,20%                      | Mua/ <i>buying</i>                                                                                                                          |
| 2       | Ông Nguyễn Khắc Hanh<br><i>Mr. Nguyen Khac Hanh</i>   | Người nội bộ/ <i>internal persons</i>                              | 1.612.317                                                                              | 7,85%                       | 1.399.779                                                                         | 6,37%                       | Bán/ <i>selling</i>                                                                                                                         |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues**

Không có/ No

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Lưu: VT/Archived: VT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



**Nguyễn Khắc Hanh**

